TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2026/DS-ST
Ngày: 09 – 01 – 2026.
"*V/v tranh chấp đòi lại tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Chẩn và ông Nguyễn Văn Hiến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk** tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2025/TLST - DS ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc "*Đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Ngọc T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: thôn L, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Hàng Thị Tuyết H, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: khóm B, thôn L, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên*

đơn ông Võ Ngọc T trình bày:

Vào năm 2016, do có mối quan hệ là đồng nghiệp làm việc ở Nhà máy đường, ông T cho bà H mượn số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), không thỏa thuận lãi suất, thời hạn cho mượn là 09 tháng (*từ ngày 30/11/2016 đến ngày 30/8/2017*), khi mượn có làm giấy mượn tiền do bà H trực tiếp viết và ký tên.

Sau khi cho mượn và đến hạn trả nợ bà H không trả nợ cho ông T, ông T nhiều lần đến nhà bà H đòi nợ nhưng bà H không trả.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà H trả cho ông T số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng)* và không yêu cầu tính lãi. Bà H xin trả hàng tháng, ông T không đồng ý.

**Tại biên bản lấy lời khai của đương sự , bị đơn bà Hàng Thị Tuyết H trình bày:*

Bà H thừa nhận có nợ ông T 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), số tiền này bà H mượn để cho bà T1 vay nhưng sau đó bà T1 đã bỏ đi nên bà H không lấy lại được. Ông T2 cha của bà T1 có hứa trả cho bà H mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Do đó, bà H đồng ý trả cho ông T 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) nhưng xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà H phải trả cho ông T 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ,

toàn diện chứng cứ; yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông T khởi kiện bà H về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*", bà H cư trú tại thôn L, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án dân sự nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 14 - tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung vụ án:

Ông T khởi kiện yêu cầu bà H trả cho ông T số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình, ông T cung cấp cho Tòa án bản gốc giấy mượn tiền và quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận có nợ ông T số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) và đồng ý trả cho ông T số tiền nêu trên.

Về thời gian trả nợ: Bà H xin trả dần số tiền trên, cụ thể: 1.000.000đ/ tháng. Xét thấy, yêu cầu này của bà H không được ông T chấp nhận và tại giấy mượn tiền các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 30/8/2017 nhưng đến nay bà H không trả khoản tiền trên cho ông T là bà H đang chiếm hữu tài sản của ông T trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích của ông T.

Về tiền lãi: Ông T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, buộc bà H phải trả cho ông T 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

[4]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, cụ thể: 30.000.000đ x 5% = 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 166, Điều 579 Bộ luật dân sự*;* khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Ngọc T.

Buộc bà Hàng Thị Tuyết H phải trả cho ông Võ Ngọc T số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Hàng Thị Tuyết H phải chịu 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho ông Võ Ngọc T **750.000đ** (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003657 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14 - Đắk Lắk (2);
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Án Văn (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Hà